

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 02-6-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Võ Tùng Chinh
2. Ông Nguyễn Văn Vũ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc:*** Bà Huỳnh Thị Chấm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2022/TLST-HN ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Đặng Văn L, sinh năm 1975; Trú tại ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

***2. Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; Trú tại ấp X, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Đặng Văn trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị M quen biết tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/8/2004. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại ấp X, xã T, vợ chồng sống hạnh phúc cách nay khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có hợp ý nhau vợ chồng hay cự cãi, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà M có tình cảm, quen người khác là bạn bè từ thời trẻ, ông không nói được nên bỏ đi làm ở B, Lâm Đồng, sau đó hơn 01 năm thì ông về nhà cha mẹ ruột ở ấp G sinh sống cho đến nay. Vợ

chồng không quan hệ vợ chồng cách nay 03 năm và ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không hàn gắn được. Cách nay 03 năm thì ông có nộp đơn ra tòa án xin ly hôn nhưng không có tiền đóng nên rút đơn lại. Từ đó đến nay ông và bà M không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với bà M.

Con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Chí B, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2004, trong đơn ông xin nuôi con, không yêu cầu bà M cấp dưỡng, nay ông đồng ý để con cho bà M nuôi, ông không cấp dưỡng.

Tài sản chung: Ông và bà M không có tài sản chung, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung; Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà không đồng ý ly hôn vì bà không muốn con mất cha và muốn vợ chồng hàn gắn để trả nợ. Về điều kiện thành hôn và đăng ký kết hôn đúng như lời ông L trình bày. Vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2004. Sau ngày cưới vợ chồng bà sống ở ấp X, vợ chồng sống hạnh phúc cách nay khoảng 03 năm thì ông L đi làm ở B, Lâm Đồng chứ không phải bỏ đi như lời ông L nói. Ông L đi làm khoảng 14 tháng thì về nhà cha mẹ ruột của ông ở ấp G sống cho đến nay. Ông L cho rằng bà quen người khác là không có người đó chỉ là bạn bè bình thường do ông L ghen nên nói vậy. Trong thời gian sống chung vợ chồng chỉ có cự cãi nhỏ nhặt không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng chỉ quan hệ vợ chồng lần cuối là vào tháng 7/2021 âm lịch. Theo bà ông L xin ly hôn là do ông L quen người phụ nữ khác người đó tên H ở ấp G. Ông L có thừa nhận với bà.

Con chung: có 01 con chung tên Đặng Chí B, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2004, do cháu Bảo quyết định theo bà nên bà xin nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Bà và ông L có mượn của anh Đặng Văn D 01 cây vàng 24k 9999, nợ này bà đã trả xong, trong quá trình giải quyết bà có trình bày yêu cầu ông L trả cho bà ½ cây vàng là 05 chỉ vàng 24k mà bà đã trả nhưng do bà bị bệnh nên không nộp đơn yêu cầu được. Tại tòa bà xác định nếu ly hôn bà không yêu cầu tòa giải quyết việc bà ông L trả lại cho bà ½ cây vàng là 05 chỉ vàng 24k mà bà đã trả cho ông D nếu sau này có yêu cầu bà sẽ yêu cầu trong vụ kiện khác. Bà có mượn nợ người khác để trả cho ông D nhưng bà không yêu cầu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Văn L,

ông L được ly hôn với bà M; Bà M trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Chí B, sinh ngày 12/6/2004 ông L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu; Tài sản chung, không có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 09-12-2021 xác nhận bà Nguyễn Thị M hiện đang sinh sống và có mặt tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[3] *Về hôn nhân*: Ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị M kết hôn vào năm 2004, trên cơ sở quen biết, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện M (nay là huyện M) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2004 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, ông L cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm, không có hợp ý nhau vợ chồng hay cự cãi, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà M có tình cảm, quen người khác là bạn bè từ thời trẻ, ông không nói được nên bỏ đi làm ở B, Lâm Đồng, sau đó hơn 01 năm thì ông về nhà cha mẹ ruột ở ấp G sinh sống cho đến nay. Vợ chồng không quan hệ vợ chồng cách nay 03 năm và ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không hàn gắn được. Bà M cho rằng vợ chồng sống chung cũng có mâu thuẫn là có cự cãi nhỏ nhặt không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng quan hệ vợ chồng lần cuối là vào tháng 7/2021 âm lịch. Theo bà ông L xin ly hôn là do ông L quen người phụ nữ khác. Nay ông L xin ly hôn thì bà không đồng ý vì bà không muốn con mất cha và muốn vợ chồng hàn gắn để trả nợ. Xét thấy: Tại biên bản xác minh trường ấp X cho biết ông bà mất hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, ông L và bà M đều khẳng định đã không quan hệ vợ chồng từ lâu. Như vậy, giữa ông L, bà M mâu thuẫn là có thật. Bà M muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Ông bà

là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa ông L và bà M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai ông bà không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ông L là có căn cứ.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng ông bà có 01 con chung tên Đặng Chí B, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2004, bà M xin nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Ông L đồng ý để con cho bà M nuôi, ông không cấp dưỡng. Xét thỏa thuận của ông bà phù hợp với ý kiến của cháu Đặng Chí B tại biên bản lấy ý kiến ngày 09-02-2022, phù hợp qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, bà M được trực tiếp nuôi cháu Đặng Chí B, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2004, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: Ông L và bà M trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Ông L trình bày nợ chung không có, không yêu cầu tòa giải quyết, bà M trình bày có mượn nợ người khác để trả vàng cho ông D nhưng không yêu cầu nên không xem xét Hội đồng xét xử xác định nợ chung các bên không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với số vàng 10 chỉ vàng 24k bà M trình bày đã trả cho ông D, tại Tòa bà không yêu cầu tòa giải quyết buộc ông L trả lại 05 chỉ 24k như lời trình bày trước đây nên sau này nếu có yêu cầu bà được quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[7] *Án phí ly hôn*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Văn L

Ông Đặng Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

2. *Về con chung*: Bà M trực tiếp nuôi 01 con chung tên Đặng Chí B, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2004, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Ông L và bà M trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Ông L và bà M không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

5. *Án phí ly hôn*: Ông Đặng Văn L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002441 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- UBND xã T (số 52 ngày 25/8/2004);
- Dương sự (02b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thúy Uyên**